

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 7 - 2024

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Hà Bảo Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đào Bá T, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đào Bá T trình bày:*

Về hôn nhân, vào năm 1981 ông (Đào Bá T) và bà Nguyễn Thị Ngọc Anh xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình hai bên không còn phù hợp, nhiều lần cự cãi dẫn đến làm mất đi tình nghĩa vợ chồng. Bà Anh có đi làm bùa phép hãm hại ông nhiều lần buộc ông phải chuyển giao quyền tài sản

cho con. Làm một lần ông có thể bỏ qua, tuy nhiên bà Anh thực hiện việc này đến hai lần. Việc này làm cho ông lo sợ, không thể tiếp tục cuộc sống chung với bà Anh. Vì lý do này ông đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Ông và bà Anh đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay cảm thấy vợ chồng không còn chung sống được nữa nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc A. Về con chung, có hai người con tên là Đào Bá D (giới tính nam) sinh năm 1982 và Đào Bích N (giới tính nữ) sinh năm 1983. Sau khi ly hôn hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản hoà giải các ngày 30/5/2024, 28/6/2024 và tại phiên toà, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc A trình bày:*

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thời gian không còn chung sống với nhau đúng như ông Đào Bá T trình bày. Tại phiên toà, bà thừa nhận do bà mê tín dị đoan bà có làm bùa bình an cho ông. Về mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn do ông Thọ nghe lời anh em làm chia rẽ tình cảm vợ chồng. Hiện bà vẫn còn tình thương với ông Thọ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung đúng như ông Thọ trình bày, hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đào Bá T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Ngọc A nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1981 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, xét về thời gian chung sống thì hôn nhân giữa ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A là hôn nhân thực tế và được công nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống. Ông T cho rằng quá trình chung sống bà A đi làm bùa ngãi hãm hại ông hai lần nhằm cho ông nghe lời để chuyển giao quyền tài sản cho các con, ông lo sợ nên bỏ đi nơi khác sinh sống. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hoà giải, hàn gắn nên ông T yêu cầu được ly hôn, bà A không đồng ý ly hôn. Bà A cho rằng mâu thuẫn một phần là do ông T nghe lời anh em ruột của ông T dẫn đến chia rẽ tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T. Bà vẫn còn tình thương với ông T nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông T và bà A đều có đưa ra mâu thuẫn, tuy nhiên cả hai không thể hoà giải hàn gắn, ông T cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà A trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên có đủ căn cứ cho ông Đào Bá T ly

hôn với bà Nguyễn Ngọc A.

[3]. Về con chung: Ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A thống nhất xác định có 02 người con là Đào Bá D (giới tính nam) sinh năm 1982 và Đào Bích N (giới tính nữ) sinh năm 1983. Hiện cả hai người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đào Bá T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Đào Bá T ly hôn với bà Nguyễn Ngọc A.

2. Về tài sản chung: Ông Đào Bá T và bà Nguyễn Ngọc A thống nhất tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đào Bá T là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Ngọc Hiền;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H. Ngọc Hiền  
(khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Phước**